TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày 18-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quang Thái.

Bà Lê Thị Bích Thuần.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Văn L, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1959 tại xã TM, huyện BX, tỉnh VP; nơi cư trú: Thôn BG, xã TM, huyện BX, tỉnh VP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (đã chết) và bà Lê Thị B; vợ là Lê Thị H và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 23/9/2015, Công an huyện BX xử phạt vi phạm hành chính về hành vi nhận cầm cố tài sản, mức phạt 3.500.000đ, đã nộp phạt ngày 28/9/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 23/9/2021 đến ngày 28/9/2021, hiện tại ngoại "có mặt".

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947; Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP "Vắng mặt".

+ Ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1942; nơi cư trú: Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP "Vắng mặt".

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP "Có mặt".

+ Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982: nơi cư trú: Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay tiền để sửa nhà và chi tiêu trong gia đình, ngày 03/02/2019 bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1947; ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1942 và anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978 đều ở Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP (ông B và anh B là chồng và con trai bà C) đến nhà Lê Văn L, sinh năm 1959 ở Thôn BG, xã TM, huyện BX, tỉnh VP để vay tiền. Tại đây, Lê Văn L có cho bà C vay số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu bà C, ông B và anh B ký tên vào mẫu giấy vay tiền mà L có sẵn, thời hạn vay từ ngày 03/02/2019 đến ngày 03/5/2019, không tính lãi suất. Sau đó, L cất giữ giấy vay tiền rồi đưa cho bà C số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 06/3/2019, bà C tiếp tục đến nhà, gặp L hỏi vay thêm số tiền 45.000.000 đồng. L đồng ý và yêu cầu bà C viết giấy vay tiền với tổng số tiền là 85.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền vay ngày 03/2/2019 là 40.000.000 đồng), thay thế cho giấy vay tiền ngày 03/2/2019, thời hạn vay từ 06/3/2019 đến 06/9/2019, lãi suất 5000 đồng/1 ngày/1 triệu, (01 tháng tính là 30 ngày, không tính tháng thừa ngày hay thiếu ngày), tiền lãi trả theo tháng. Bà C đồng ý. Lê Văn L cầm giấy vay tiền bà C viết và ký rồi đưa cho bà C số tiền 45.000.000 đồng. Đến thời hạn trả tiền lãi theo thỏa thuận, Lê Văn L đã nhiều lần đòi tiền nhưng bà C không trả. Ngày 06/5/2019, bà C đã thế chấp 05 thửa ruộng của gia đình bà tại Thôn Trung M, xã TM, huyện BX, tỉnh VP cho Lê Văn L để đảm bảo cho khoản vay, bà C đã kí xác nhận vào giấy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy ủy quyền lấy tiền đều ghi ngày 06/5/2019 do Lê Văn L tự tay viết. Sau đó, Lê Văn L đi xin xác nhận của chính quyền địa phương vào 02 văn bản này mục đích nếu gia đình bà C không trả được tiền gốc và tiền lãi thì L sẽ sử dụng 05 thửa ruộng nêu trên. Tuy nhiên, trong suốt quá trình vay bà C không trả được tiền gốc và tiền lãi cho L. Ngày 01/9/2021, bà C cùng anh Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn N là con trai bà C đến nhà gặp L đặt vấn đề muốn trả toàn bộ số tiền gốc là 85.000.000 đồng và tiền lãi để chuộc lại 05 thửa ruộng đã thế chấp. L đồng ý và hai bên thống nhất tính số tiền lãi là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/1 năm), thời gian vay là 30 tháng, tính từ ngày 06/3/2019 đến ngày 06/9/2021 là tổng số 900 ngày. Như vậy, tổng số tiền bà

C phải trả cho L là 391.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 85.000.000 đồng, số tiền lãi là 306.000.000 đồng. Bà C đồng ý. Ngày 02/9/2021 và ngày 11/9/2021, anh B và anh N đến nhà gặp L để xin giảm bớt tiền lãi, L đồng ý giảm cho bà C 41.000.000 đồng tiền lãi (từ 306.000.000 đồng còn 265.000.000 đồng, cả hai không thỏa thuận về mức lãi suất). Do đó, bà C phải trả cho L tổng số tiền gốc và lãi là 350.000.000 đồng (trong đó là 85.000.00 đồng tiền gốc và 265.000.000 đồng tiền lãi tương đương với mức lãi suất 126,4%/năm). Ngày 12/9/2021, anh B và anh N đến nhà trả cho L 30.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 23/9/2021, anh B đến nhà L để trả số tiền còn lại là 320.000.000 đồng gồm 85.000.000 đồng tiền gốc và 235.000.000 đồng tiền lãi. Khi Lưu đang kiểm đếm tiền thì bị Cơ quan Công an huyện BX bắt quả tang. Thu giữ tại bàn uống nước số tiền 316.900.000 đồng.

Quá trình thu giữ xác định anh B đem đến trả cho L là 320.000.000 đồng. Tuy nhiên khi kiểm đếm thu giữ chỉ có 316.900.000 đồng, nguyên nhân do khi anh B đếm tiền đem trả bị nhầm lẫn nên dẫn đến bị thiếu số tiền là 3.100.000 đồng.

Ngày 23/9/2021, Cơ quan điều tra ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Văn L tại Thôn BG, xã TM, huyện BX, tỉnh VP thu giữ: 01 két sắt màu xanh bên trong có 02 giấy cam kết vay tiền; 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất; 01 giấy ủy quyền lấy tiền và 01 phiếu giao nhận diện tích đất đai theo hiện trạng sử dụng.

Cùng ngày, anh Nguyễn Văn N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy biên nhận ngày 12/9/2021 (bản chính); 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; 01 giấy ủy quyền lấy tiền; 01 giấy cam kết vay tiền và 01 phiếu giao nhận diện tích đất đai theo hiện trạng sử dụng (đều là bản phô tô).

Ngày 18/11/2021, Lê Văn L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 30.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định: Tổng số tiền bà C trả cho Lưu là 346.900.000 đồng, trong đó tiền gốc là 85.000.000 đồng, tiền lãi (900 ngày) là 261.900.000 đồng. Tiền lãi cao nhất tính theo Bộ luật dân sự là (0,2 x 85.000.000 x 900): 365 ngày = 41.917.808 đồng. Số tiền L thu lời bất chính là 219.982.190 đồng.

Tại phiên tòa, Lê Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 02/CT-VKSBX ngày 17 tháng 12 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện BX truy tố Lê Văn L về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BX thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị

cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đồng thời đề xuất về xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B có mặt tại phiên tòa trình bày: Anh xác nhận về thời gian vay tiền, số tiền vay và số tiền lãi như bị cáo L khai là đúng. Ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra bà C, ông L, anh N đều trình bày về việc vay tiền với lãi suất cao như bị cáo L trình bày là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BX. Bị cáo Lưu khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 06/3/2019 đến ngày 06/9/2021, Lê Văn L đã cho bà Nguyễn Thị C vay tiền với mức lãi suất 126,4%/năm, gấp hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015. Cụ thể: Số tiền gốc L cho bà C vay là 85.000.000 đồng, L đã thu được số tiền lãi là 261.900.000 đồng, trong đó tiền lãi cao nhất theo quy định trong BLDS (20%/ năm) là 41.917.808 đồng. Số tiền Lê Văn L thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 219.982.190 đồng. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự", được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, nội dung điều luật quy định:

"2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân cần tiền để cho vay với lãi suất cao hơn (126,4%/năm), gấp hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thời gian tham gia quân đội từ năm 1978 đến năm 1982 xuất ngũ trở về địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, bị cáo đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan:

Đối với số tiền 346.900.000 đồng thu giữ của L, trong đó: 85.000.000 đồng là tiền L cho bà C vay xác định là phương tiện phạm tội; số tiền 41.917.808 đồng xác định là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội mà có, tương ứng với mức lãi xuất 20%/1 năm. Do vậy cần tịch thu tổng số tiền là 85.000.000 đồng +41.917.808 đồng = 126.917.808 (làm tròn 126.918.000) đồng nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận số tiền 126.918.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BX theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản

giữa Công an huyện BX và Chi cục thi hành án dân sự huyện BX ngày 17/01/2022.

Đối với số tiền 219.982.190 đồng xác định là số tiền lãi L thu lời bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng nên cần trả lại trả lại cho bà C là đúng quy định. Xác nhận ngày 05/10/2021, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà C số tiền 219.982.000 đồng.

Đối với 01 két sét bằng kim loại, xác định là tài sản hợp pháp của gia đình bị can Lê Văn L. Ngày 21/11/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc két sắt trên cho L là phù hợp.

Đối với 02 giấy cam kết vay tiền; 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất; 01 giấy ủy quyền lấy tiền và 01 phiếu giao nhận diện tích đất đai theo hiện trạng sử dụng và 01 giấy biên ngày 12/9/2021 đã được đánh số bút lục đưa vào làm tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên không tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện BX, tỉnh VP giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tịch thu số tiền 126.918.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười tám nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Sở tư pháp;
- VKS nhân dân tỉnh VP;
- VKS nhân dân huyện Bx;
- CQĐT Công an huyện BX;
- Chi cục THADS huyện Bx;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TM, huyện BX;
- Lưu HS, VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Sỹ